TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 138/2021/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Bình, ngày 19 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của những người yêu cầu:

- Chị Trần Thị M (tên gọi khác: Th), sinh năm 1992;

Nơi ĐKHKTT: xóm 7, thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: xóm 9, thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T.

- Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: xóm 7, thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Đặng Văn T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh T, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm, đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Anh chị đã nhiều lần bàn bạc nhằm giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Đến tháng 6/2020 chị M đã về nhà mẹ đẻ ở và anh chị sống ly thân nhau

từ đó đến nay, không hỏi han, quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M và anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị M và anh Đặng Văn T1 có hai con chung là Đặng Gia B, sinh ngày 16/10/2017 và Đặng Diệu A, sinh ngày 19/6/2020. Ly hôn, chị M và anh T1 thỏa thuận: Chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng (Hai con là 3.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 8/2021 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sự thỏa thuận về nuôi con của chị M và anh T1 là tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản: Chị M và anh T1 thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Trần Thị M và anh Đặng Văn T1 phải nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Đặng Văn T1.

1.2. Về con chung: Chị Trần Thị M trực tiếp nuôi cả hai con chung là Đặng Gia B, sinh ngày 16/10/2017 và Đặng Diệu A, sinh ngày 19/6/2020. Anh T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng (Hai con là 3.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 8/2021 đến khi từng con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

1.3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị M và anh Đặng Văn T1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. (Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M, anh T1 đã nộp tạm ứng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000279 ngày 29 tháng 7 năm 2021 thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V, thành phố T, tỉnh T; ĐKKH số 49 ngày 18/9/2017);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Hồng Sơn